

Số: **20**/2008/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày **30** tháng 6 năm 2008

AP TỈNH HÀ TĨNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22/01/2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BTNMT ngày 12/02/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; Thông tư liên tịch số 83/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 27/8/2003 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc phân cấp, quản lý và thanh quyết toán kinh phí đo đạc bản đồ và quản lý đất đai;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 530/TT-STNMT ngày 05/6/2008, kèm theo Báo cáo thẩm định số 377/BC-STP ngày 23/5/2008 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Đo đạc và Bản đồ - Bộ TN&MT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy; TTr.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Hà Tĩnh, Đài PTTH tỉnh;
- Website Hà Tĩnh; Trung tâm Công báo LT tỉnh;
- Các PVP.UBND tỉnh; các Tổ chuyên viên;
- Lưu: VT-NL, SECRET

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Trần Minh Kỳ

QUY ĐỊNH

Về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **20** /2008/QĐ-UBND
ngày **30** tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I
NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

1. Các hoạt động đo đạc và bản đồ của tất cả các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Hoạt động đầu tư để đo đạc, lập bản đồ bằng ngân sách Nhà nước, kinh phí tự đóng góp của các tổ chức, cá nhân và các nguồn tài trợ, huy động khác trên địa bàn tỉnh.

Những nội dung liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ không nêu trong Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

Một số từ ngữ chuyên môn trong Quy định này được hiểu như sau:

1. Ngoại nghiệp là tác nghiệp đo đạc ở ngoài thực địa. Nội nghiệp là tác nghiệp, xử lý kết quả đo đạc và biên tập bản đồ ở trong phòng.

2. Bản đồ địa chính cơ sở (đo vẽ theo hiện trạng) là tên gọi chung cho bản đồ địa chính gốc được đo vẽ kín ranh giới hành chính, kín diện tích mảnh thể hiện hiện trạng, vị trí, diện tích hình thể của các ô thửa có tính ổn định lâu dài, dễ xác định ở thực địa của các thửa đất theo các chỉ tiêu thống kê theo quy định hiện hành. Bản đồ địa chính cơ sở là tài liệu để thành lập bản đồ địa chính.

3. Bản đồ địa chính là tên gọi cho bản đồ được biên tập, biên vẽ từ bản đồ địa chính cơ sở theo đơn vị hành chính cấp xã, được đo vẽ bổ sung các thửa đất để vẽ trọn thửa đất, xác định loại đất của mỗi thửa theo chỉ tiêu thống kê của từng chủ sử dụng trong mỗi mảnh bản đồ và phù hợp với các số liệu trong hồ sơ địa chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Khu đất là giới hạn 1 vùng chiếm diện tích trên mặt đất. Trong một khu đất có thể có nhiều loại đất.

5. Đo đạc cắm mốc, cắm mốc khoanh vùng là sử dụng các mốc bê tông, cọc sắt, cọc gỗ, cọc tre (hoặc vật liệu có cùng tính chất) để cắm lên mặt đất đánh dấu điểm giới hạn của 1 khu đất, 1 vùng hoặc 1 đường chỉ giới. Các mốc này được đo đạc xác định tọa độ.

6. Dự án có liên quan hoạt động đo đạc và bản đồ là dự án để thực hiện nhiệm vụ chính của một ngành, lĩnh vực khác trong đó có hạng mục về đo đạc (khảo sát địa hình, cắm mốc...) hoặc thành lập các loại bản đồ (qui hoạch, khoanh vùng...).

Điều 3. Hoạt động đo đạc và bản đồ.

Các hoạt động đo đạc và bản đồ được tổ chức thực hiện ở tỉnh bao gồm:

1. Thiết lập hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng, đo đạc cắm mốc và đo vẽ bản đồ, bình đồ.

a) Lưới tọa độ địa chính; lưới quan trắc biến dạng công trình; lưới giải tích các cấp phục vụ khảo sát, thiết kế, quy hoạch và cắm mốc khoanh vùng các khu đất.

b) Lưới độ cao tương đương hạng IV, độ cao kỹ thuật.

c) Đo vẽ bản đồ, bình đồ, cắm mốc, đo đạc địa chính phục vụ quản lý đất đai, công nghiệp, nông - lâm nghiệp, thủy sản, giao thông, thủy lợi, xây dựng, khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và môi trường. Đo đạc phục vụ xây dựng hồ sơ và giải quyết tranh chấp đất đai liên quan địa giới hành chính.

2. Xây dựng, biên tập, thành lập các loại bản đồ.

a) Bản đồ địa chính các tỷ lệ phục vụ công tác quản lý đất đai.

b) Bản đồ, bình đồ địa hình các tỷ lệ phục vụ mục đích chuyên dụng.

c) Bản đồ nền.

d) Bản đồ hành chính cấp huyện và cấp xã.

e) Hệ thống bản đồ chuyên đề của các ngành, các cấp.

3. Xây dựng hệ thống thông tin chuyên dụng.

a) Hệ thống thông tin địa lý chuyên dụng.

b) Hệ thống thông tin đất đai, tài nguyên và môi trường.

4. Lưu trữ, cấp phát, trao đổi, thu nhận, truyền dẫn, phổ cập các thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ; nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đo đạc và bản đồ; đào tạo nghề đo đạc và bản đồ.

Chương II

CÁC QUI ĐỊNH VỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 4. Phân cấp quản lý và nhiệm vụ trong công tác đo đạc và bản đồ.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối (gọi là cơ quan quản lý đo đạc bản đồ) giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý mọi hoạt động đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh, có nhiệm vụ:

a) Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng kế hoạch dài hạn về đo đạc và bản đồ trên cơ sở tổng hợp kế hoạch dài hạn của các ngành trong tỉnh;

b) Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc quản lý các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh;

c) Thẩm định nhiệm vụ đo đạc và bản đồ do các chủ đầu tư và các tổ chức qui định tại khoản 2, khoản 5 (Điều này) thực hiện, đảm bảo công trình đo đạc và bản đồ được triển khai phù hợp với chiến lược quy hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch về đo đạc và bản đồ hàng năm của tỉnh;

d) Thẩm định các dự án và chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành tài nguyên và môi trường. Thẩm định hoặc tham gia thẩm định các dự án và chất lượng sản phẩm liên quan đo đạc và bản đồ do cơ quan nhà nước có chức năng nhiệm vụ ở khoản 2 (Điều này) hoặc chủ đầu tư đề nghị (trừ dự án liên quan đến bí mật quốc phòng, an ninh). Thẩm định chất lượng dữ liệu đo đạc và bản đồ;

e) Tổ chức việc đăng ký và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu hoạt động đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh;

g) Quản lý, cung cấp số liệu mốc tọa độ, độ cao, tư liệu đo đạc và bản đồ phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và triển khai các dự án của tỉnh. Lưu trữ dữ liệu đo đạc và bản đồ (dạng số) thuộc các dự án của tỉnh do các cơ quan, tổ chức ở khoản 2, khoản 5 (Điều này) tổ chức thực hiện và xác nhận việc giao nộp tài liệu làm căn cứ cho chủ đầu tư nghiệm thu sản phẩm và thanh quyết toán công trình;

h) Kiểm tra, thanh tra các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền (mỗi năm một lần);

i) Xây dựng cơ chế, chính sách quản lý Nhà nước về đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh.

2. Nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ.

a) Những lĩnh vực liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ bao gồm: xây dựng, nhà ở, công sở, kiến trúc, quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao, phát triển đô thị; giao thông đường bộ, đường thủy, vận tải, an toàn giao thông; nông - lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phát triển nông thôn, phòng chống bão lụt; địa giới hành chính; đăng ký kinh doanh cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến đo đạc, khảo sát địa hình; tài chính, ngân sách nhà nước, thuế, phí, lệ phí, giá cả liên quan đến đo đạc và bản đồ; điện, năng lượng mới, công nghiệp khai thác mỏ; thương mại điện tử, quản lý cụm công nghiệp và điểm công nghiệp; xuất bản bản đồ (bao gồm cả các loại bản đồ do các công ty tư nhân, công ty quảng cáo v.v... thực hiện); tiêu

chuẩn, đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, phát triển công nghệ và các lĩnh vực liên quan khác.

b) Các cơ quan nhà nước có chức năng thuộc các lĩnh vực qui định tại điểm a, khoản 2 (Điều này) chịu trách nhiệm chỉ đạo chủ đầu tư, đơn vị trực thuộc (nếu có) và phối hợp với cơ quan quản lý đo đạc bản đồ trong việc tổ chức triển khai công tác đo đạc và bản đồ theo qui định của pháp luật.

3. Trách nhiệm quản lý, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

Cơ quan quyết định đầu tư, chủ đầu tư và đơn vị thi công thực hiện việc kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo qui định tại điểm 6.1, điểm 6.2, điểm 6.3 khoản 6 Mục 1 Thông tư số 02/2007/TT-BTNMT ngày 12/02/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Trách nhiệm của cơ quan giám sát, quản lý chất lượng công trình.

a) Tổ chức sự nghiệp có chức năng về thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ có nhiệm vụ thẩm định chất lượng khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định.

b) Tổ chức kinh tế được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có nội dung kiểm tra kỹ thuật và thẩm định chất lượng thì được thực hiện kiểm tra kỹ thuật và thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo đề nghị của chủ đầu tư.

5. UBND các cấp theo thẩm quyền có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức qui định tại khoản 1 đến khoản 4 (Điều này) để công tác đo đạc và bản đồ tại địa bàn quản lý được tiến hành thuận lợi.

Điều 5. Quản lý chiến lược, quy hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch hàng năm về đo đạc và bản đồ.

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển dài hạn về đo đạc và bản đồ trên cơ sở chiến lược của ngành, cơ quan quản lý đo đạc bản đồ có trách nhiệm tổng hợp thành chiến lược, quy hoạch phát triển dài hạn về đo đạc và bản đồ của tỉnh, trình UBND tỉnh quyết định.

Kế hoạch hàng năm do các sở, ban, ngành lập trên cơ sở chiến lược, quy hoạch phát triển dài hạn của tỉnh và được gửi về cơ quan quản lý đo đạc bản đồ trước ngày 15/3 để tổng hợp.

2. Cơ quan, tổ chức được giao kế hoạch thực hiện các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước phải quản lý kế hoạch hàng năm trên cơ sở dự án được lập.

3. Các công trình đo vẽ bản đồ được đầu tư bằng nguồn kinh phí khác cũng phải tuân thủ kế hoạch và chiến lược phát triển đo đạc và bản đồ của tỉnh.

Điều 6. Đăng ký và cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

1. Hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ phải được cơ quan quản lý đo đạc bản đồ thẩm định trước khi trình xin cấp giấy phép tại Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.

2. Các hoạt động đo đạc và bản đồ phải đăng ký tại cơ quan quản lý đo đạc bản đồ, gồm: thiết lập hệ thống điểm đo đạc chuyên dụng; trích đo địa chính, đo chỉnh lý bản đồ; đo đạc khảo sát lập các bình đồ, bản đồ địa hình tỷ lệ 1/200, 1/500, 1/1000 (phục vụ thiết kế, quy hoạch chi tiết xây dựng,...); đo đạc quan trắc biến dạng các công trình; thành lập các loại bản đồ chuyên đề, chuyên ngành; đo đạc chuyên thiết kế quy hoạch ra hiện trường và cắm mốc ranh giới khu đất; đo đạc phục vụ giải quyết tranh chấp đất đai; thành lập bản đồ hành chính cấp huyện, xã; xây dựng hệ thống thông tin địa lý chuyên dụng, hệ thống cơ sở dữ liệu địa chính.

3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ.

Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh phải trực tiếp đăng ký hành nghề đo đạc bản đồ tại cơ quan quản lý đo đạc bản đồ hoặc phải xin cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ tại Cục Đo đạc và bản đồ Việt Nam (đối với lĩnh vực hoạt động cần có giấy phép).

Kể từ ngày 01/08/2008 tất cả các tổ chức, cá nhân có chức năng hoạt động đo đạc và bản đồ đóng trên địa bàn tỉnh bắt buộc phải đăng ký hành nghề đo đạc và bản đồ hoặc phải xin cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 7. Điều kiện để hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh.

1. Tổ chức, cá nhân được thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

2. Đối với tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ, ngoài các qui định chuyên ngành cần phải có giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ do Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp hoặc bản đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ và chỉ được phép hoạt động theo giấy phép được cấp hoặc nội dung đã đăng ký.

3. Trước lúc tổ chức đo vẽ bản đồ, xây dựng hệ thống mốc toạ độ, độ cao, chủ đầu tư phải làm việc với cơ quan quản lý đo đạc bản đồ để thống nhất kế hoạch và biện pháp tổ chức thực hiện.

4. Chủ đầu tư căn cứ tình hình, qui mô và các qui định hiện hành để tổ chức lập dự án, luận chứng kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc phương án kinh tế kỹ thuật (gọi tắt là dự án). Dự án được cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt mới được phép triển khai đo vẽ bản đồ.

Điều 8. Hệ thống tọa độ, mốc tọa độ, độ cao, cơ sở dữ liệu nền, hệ thống địa danh trên bản đồ và các phần mềm phục vụ đo vẽ bản đồ.

1. Hệ tọa độ: Sử dụng hệ tọa độ VN-2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 105°30' trong công tác đo vẽ bản đồ trên địa bàn tỉnh. Trường hợp đặc biệt được cấp có thẩm quyền cho phép xây dựng lưới tọa độ (hoặc độ cao) độc lập phải có phương án đo nối với hệ tọa độ, độ cao Quốc gia, đồng thời phải xây dựng mốc ổn định lâu dài để đo nối sau này.

2. Mốc tọa độ, độ cao: Sử dụng chung hệ thống mốc tọa độ trong hệ VN-2000 bao gồm các điểm tam giác Nhà nước, điểm địa chính, điểm giải tích các cấp và các điểm độ cao Nhà nước hạng I, II, III, IV có trên địa bàn tỉnh.

3. Hệ thống bản đồ nền: Sử dụng chung hệ thống bản đồ địa hình các tỷ lệ hiện có theo hệ tọa độ VN-2000 trên địa bàn toàn tỉnh.

4. Sử dụng hệ thống địa danh, tên các đơn vị hành chính theo qui định hiện hành trên tất cả các sản phẩm đo đạc và bản đồ. Địa danh các đối tượng địa lý tự nhiên và xã hội chưa thống nhất thì quyết định trên cơ sở thống nhất ý kiến với Sở Nội vụ. Địa danh quốc tế lấy theo chuẩn địa danh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Địa giới hành chính tuân thủ bộ bản đồ địa giới hành chính các cấp lưu trữ tại Sở Nội vụ.

5. Chuẩn thông tin đo đạc, bản đồ và phần mềm nền, tính chuyển tọa độ.

Tuân thủ chuẩn thông tin địa lý do các Bộ chủ quản ban hành và các qui định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Riêng phần mềm tính chuyển tọa độ, nền bản đồ chỉ được phép sử dụng các phần mềm do Bộ Tài nguyên và Môi trường phát hành (trừ lĩnh vực an ninh, quốc phòng).

6. Các bản đồ được lập trước đây theo hệ tọa độ, độ cao, bản đồ nền địa hình cũ vẫn được tiếp tục sử dụng làm tài liệu kỹ thuật nhưng khi sử dụng để phát triển nội dung mới phải chuyển sang hệ tọa độ VN- 2000.

Điều 9. Qui định việc cụ thể hóa và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật về đo đạc và bản đồ.

Việc cụ thể hóa hệ thống tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật phục vụ các hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo qui định chuyên ngành. Trường hợp tiêu chuẩn ngành không qui định rõ thì cho phép áp dụng tiêu chuẩn tương đương của ngành khác.

Điều 10. Về công tác giao nộp tài liệu, lưu trữ, khai thác thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ.

1. Giao nộp tài liệu.

Tài liệu đo đạc và bản đồ do các chủ đầu tư (qui định tại khoản 2, khoản 5 Điều 4) thực hiện ngoài việc giao nộp sản phẩm theo qui định phải gửi về cơ

quan quản lý đo đạc bản đồ 01 bộ để xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung cho toàn tỉnh (trừ các lĩnh vực tối mật liên quan đến an ninh, quốc phòng và toàn vẹn lãnh thổ). Tài liệu giao nộp (dạng số), gồm:

a) Bản đồ hành chính, bản lưu chiếu bản đồ, bản đồ địa giới hành chính;

b) Bản đồ, bình đồ địa hình và bản đồ liên quan đến đất đai, hoạt động khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, thăm dò, địa chất, tài nguyên nước, công nghiệp, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp, giao thông, thủy lợi, xây dựng; bản đồ khoanh vùng các khu vực cấm, khu qui hoạch, khu bảo tồn...;

c) Số liệu tọa độ, độ cao và ghi chú điểm (trên giấy) của các điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng, độ cao quan trắc biến dạng công trình, lưới trắc địa phục vụ khảo sát, thiết kế, quy hoạch.

2. Quyền sở hữu, lưu trữ và khai thác thông tin tư liệu.

a) Quyền sở hữu, quyền tác giả đối với sản phẩm thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân sự và Luật Sở hữu trí tuệ. Tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

b) Thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ qui định tại điểm 1 (Điều này) là dữ liệu dùng chung phục vụ cho triển khai các dự án và công tác quản lý của tỉnh. Khi chất lượng dữ liệu đạt yêu cầu thì không được xây dựng lại dữ liệu đã có; trường hợp không có nguồn thông tin tư liệu phù hợp, mới được phép xây dựng hoặc mua mới. Khi sử dụng tư liệu có nguồn gốc khác phải được cơ quan chuyên môn có thẩm quyền (qui định tại Điều 4 của Quy định này) thẩm định.

3. Thu phí khai thác thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ.

Các nguồn thông tin tư liệu do cơ quan quản lý đo đạc bản đồ cấp có thu phí theo qui định. Đơn vị cấp số liệu phải chịu trách nhiệm về chất lượng sao chép số liệu. Chế độ thu nộp phí khai thác tài liệu lưu trữ tuân thủ thông tư số 30/2004/TT-BTC ngày 07/4/2004 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu lưu trữ.

Điều 11. Về quản lý xuất bản bản đồ, sử dụng bản đồ nền, bản đồ treo tường; địa danh, địa giới hành chính, biên giới quốc gia và bảo mật thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ.

1. Tổ chức, cá nhân và cơ quan khác trong tỉnh được liên kết với nhà xuất bản để xuất bản các thể loại sản phẩm bản đồ, trừ các loại sau: bản đồ địa hình quốc gia cho phần đất liền và vùng biển Việt Nam; bản đồ nền; bản đồ hành chính cấp tỉnh trở lên; Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, atlas Quốc gia, atlas địa lý tổng hợp từ vùng miền trở lên; Nền cơ sở địa lý của hệ thống thông tin địa lý quốc gia.

2. Trên các xuất bản phẩm bản đồ phải ghi những thông tin theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Luật Xuất bản và ghi tỉ lệ, lưới chiếu bản đồ, hệ tọa độ, hệ độ cao, thời gian thành lập bản đồ, thông tin về những tài liệu chính đã sử dụng để thành lập bản đồ. Đối với bản đồ dùng phục vụ công tác chuyên môn khi chưa cập nhật các nội dung quan trọng về địa danh, địa giới hành chính, biên giới Quốc gia, biển và đảo thì trên bản đồ phải ghi rõ “lưu hành nội bộ” và thực hiện bảo mật theo quy định.

3. Bản đồ hành chính từ cấp huyện trở xuống phải được cấp có thẩm quyền thẩm định mới được phép treo tường.

Nghiêm cấm cơ quan, tổ chức sử dụng các bản đồ, hải đồ có sai sót về biên giới, biển đảo để treo nơi công sở hoặc dùng làm việc với tổ chức, cá nhân nước ngoài.

4. Khi thành lập bản đồ chuyên đề yếu tố địa giới hành chính phải lấy theo hồ sơ địa giới hành chính các cấp mới nhất có tại Sở Nội vụ. Biên giới Quốc gia và nền địa hình phải lấy theo nền bản đồ hành chính Quốc gia hoặc bản đồ địa hình mới nhất do Bộ Tài nguyên và Môi trường phát hành. Địa danh trên bản đồ phải lấy theo chuẩn địa danh có tại cơ quan quản lý đo đạc bản đồ. Trường hợp sử dụng nền khác phải có ý kiến kiểm duyệt của cấp có thẩm quyền.

5. Thông tin thuộc dạng tối mật cần tuân thủ chặt chẽ chế độ bảo mật, gồm: tọa độ các điểm cơ sở quốc gia hạng II trở lên tạo thành mạng lưới quốc gia hoàn chỉnh kèm theo các ghi chú điểm; tài liệu điều tra, khảo sát về đường biên giới quốc gia chưa được công bố. Các thông tin này chỉ được cung cấp khi có văn bản chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ loại mật chỉ được cung cấp khi có văn bản chấp thuận của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

Không được phép lưu trữ thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ loại tối mật và loại mật vào bộ nhớ máy tính có kết nối mạng Internet hoặc các mạng thông tin điện tử diện rộng tương tự.

6. Những thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ không thuộc dạng mật, tối mật được phép phát hành, gồm: thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ đã xuất bản và không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước. Thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ không xuất bản và không thuộc phạm vi bí mật nhà nước chỉ được cung cấp khi có công văn đề nghị của thủ trưởng cơ quan, tổ chức có yêu cầu sử dụng.

7. Tổ chức, cá nhân được cung cấp thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ phải chịu trách nhiệm bảo mật tài liệu, không được chuyển giao cho đơn vị, cá nhân thứ ba. Nghiêm cấm việc cung cấp bản đồ dạng số cho cá nhân.

Điều 12. Đo đạc, bản đồ về địa giới hành chính và biên giới Quốc gia.

1. Việc phối hợp và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong đo đạc, bản đồ liên quan địa giới hành chính, biên giới Quốc gia thực hiện theo Thông tư liên tịch số 06/2006/TTLT/BTNMT-BNV-BNG-BQP ngày 13/06/2006 của Liên Bộ Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Ngoại giao, Quốc phòng. Khi có chương trình của Chính phủ, chính quyền các cấp và cơ quan liên quan (qui định tại Điều 4 của Quy định này) có trách nhiệm tham gia, phối hợp thực hiện việc phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền, khảo sát các đảo, quần đảo và tạo điều kiện để các tổ chức thực hiện tốt công tác đo đạc và bản đồ về biên giới quốc gia và biển đảo trong phạm vi tỉnh quản lý;

2. Việc sử dụng hồ sơ địa giới hành chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 119-CP ngày 16/09/1994 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng hồ sơ địa giới, bản đồ địa giới và mốc địa giới hành chính các cấp;

3. Việc đo đạc xác định tọa độ mốc, lập bản đồ tuyến hiện trạng sử dụng đất phục vụ giải quyết tranh chấp đất đai liên quan địa giới hành chính phải được thực hiện bằng công nghệ số (đo bằng máy toàn đạc điện tử hoặc máy GPS) theo qui trình, qui phạm đo đạc địa chính hiện hành.

Điều 13. Bảo vệ hệ thống mốc tọa độ, độ cao ở thực địa.

1. Các cơ quan chuyên ngành tự quản lý hệ thống mốc chuyên dụng.

2. Mốc tọa độ, độ cao các cấp được bàn giao cho cấp xã quản lý, bảo vệ. Công chức địa chính xã có trách nhiệm ghi số hiệu, tên mốc vào sổ địa chính (ở phân ghi chú) và phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường chỉ rõ cho người được giao đất, thuê đất vị trí các dấu mốc đo đạc có trên thửa đất ở thực địa. Chủ sử dụng đất (hoặc chủ sở hữu công trình) khi tiến hành xây dựng (hoặc cải tạo công trình) mà có ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc thì trực tiếp báo cáo lên UBND cấp xã. Công chức địa chính xã căn cứ vào hồ sơ hiện có để báo cáo lên cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc tìm biện pháp xử lý.

3. Tổ chức, cá nhân không được tự tiện sử dụng các công trình xây dựng đo đạc nếu không được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ ở Trung ương hoặc cấp tỉnh theo phân cấp, trong quá trình sử dụng phải giữ gìn bảo vệ công trình đo đạc, không làm hư hỏng, sử dụng xong phải khôi phục lại tình trạng ban đầu.

Điều 14. Nguồn kinh phí đầu tư cho đo vẽ bản đồ, phân cấp kinh phí và thu phí đo đạc, lập bản đồ địa chính.

1. Kinh phí đầu tư cho các hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc các dự án có hạng mục đo đạc và bản đồ được tính toán trong tổng mức đầu tư của dự án đó.

2. Nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường phục vụ cho hoạt động đo đạc và bản đồ được UBND tỉnh giao hàng năm, phân cấp nhiệm vụ chi được quy định như sau:

a) Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo chi cho các nội dung sau: Đo đạc lưới địa chính; đo vẽ bản đồ địa chính, đo đạc chỉnh lý bản đồ; thành lập và in bản đồ hành chính (trừ bản đồ hành chính cấp tỉnh); xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp; lập bản đồ đánh giá, phân hạng đất; quản lý, thu thập, xử lý thông tin, lưu trữ, cập nhật và cung cấp tư liệu đo đạc bản đồ; mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác đo đạc bản đồ cho các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh quản lý; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; xây dựng cơ sở dữ liệu nền: bản đồ, phần mềm,...

b) Ngân sách cấp huyện đảm bảo chi cho các nội dung sau: Quản lý, thu thập, xử lý thông tin, lưu trữ, cập nhật và cung cấp tư liệu đo đạc bản đồ tại huyện; mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác đo đạc bản đồ cho các đơn vị sự nghiệp cấp huyện quản lý; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cấp xã;

c) Ngân sách cấp xã đảm bảo chi cho công tác chỉnh lý thường xuyên bản đồ địa chính, bảo vệ mốc địa chính;

d) Một số nhiệm vụ chi đo đạc bản đồ mang tính khẩn trương, cấp thiết UBND tỉnh sẽ xem xét đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách và các nguồn kinh phí khác;

e) Trong trường hợp cụ thể UBND tỉnh sẽ xem xét và quyết định cho phép một số huyện, xã tự đầu tư kinh phí để đo vẽ bản đồ địa chính.

3. Thu phí đo đạc, lập bản đồ địa chính.

Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc được phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ phải nộp phí đo đạc, lập bản đồ địa chính. Mức thu và tổ chức thu phí đo đạc bản đồ địa chính theo qui định hiện hành của nhà nước.

Điều 15. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án đo đạc và bản đồ.

1. Về công tác lập dự án.

a) Công tác đo đạc và bản đồ là nhiệm vụ chính thì phải lập dự án trên cơ sở qui hoạch, kế hoạch về đo đạc và bản đồ, đảm bảo đạt mục đích, yêu cầu nhiệm vụ và chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật về đo đạc và bản đồ.

b) Công tác đo đạc và bản đồ là hạng mục công việc của một dự án khác (nhiệm vụ đo đạc bản đồ không phải là nhiệm vụ chính của dự án) thì lập riêng

thiết kế kỹ thuật dự toán đo đạc và bản đồ trên cơ sở mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ của dự án và chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật về đo đạc và bản đồ.

2. Công tác thẩm định dự án.

a) Qui định về thẩm quyền thẩm định dự án.

Cơ quan có thẩm quyền khi tổ chức thẩm định dự án chuyên ngành phải phối hợp với cơ quan quản lý đo đạc và bản đồ để thực hiện. Riêng các dự án đo đạc và bản đồ được đầu tư bằng nguồn vốn của các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh phải có ý kiến của cơ quan quản lý đo đạc bản đồ trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (trừ các dự án thuộc phạm vi quốc phòng, an ninh).

b) Các căn cứ để thẩm định:

- Quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn về đo đạc và bản đồ của tỉnh và kế hoạch chi tiết của chuyên ngành;

- Hệ thống Qui phạm kỹ thuật chuyên ngành và qui định tài chính hiện hành.

c) Qui định về hồ sơ.

- Hồ sơ chuẩn bị cho thẩm định các dự án đo đạc bản đồ, dự án có hạng mục đo đạc và bản đồ bao gồm: 01 văn bản chủ trương có nội dung giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền hoặc kế hoạch đã được phê duyệt; 01 giấy phép hành nghề đo đạc bản đồ của đơn vị xây dựng dự án có hạng mục về đo đạc và bản đồ hoặc bản đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ (bản sao có chứng thực đối với trường hợp không cần giấy phép); 01 tờ trình của chủ đầu tư xin thẩm định dự án đo đạc bản đồ, liên quan đến đo đạc bản đồ; 01 bản dự án có hạng mục đo đạc và bản đồ gồm phần thuyết minh và sơ đồ (kèm theo báo cáo khảo sát); Các văn bản pháp lý và hồ sơ kỹ thuật chuyên môn liên quan (bản phô tô hoặc lưu trên đĩa CD) phục vụ giải trình.

- Hồ sơ chuẩn bị cho thẩm định chất lượng sản phẩm công trình đo đạc bản đồ, liên quan đến đo đạc bản đồ lập theo qui định chuyên ngành và tối thiểu phải có: 01 tờ trình đề nghị thẩm định hoặc văn bản giao nhiệm vụ của cấp trên; 01 bản dự án liên quan đến hạng mục đo đạc và bản đồ và quyết định phê duyệt dự án; 01 bộ hồ sơ kiểm tra nghiệm thu của đơn vị thi công; 01 bộ hồ sơ kiểm tra của đơn vị tư vấn giám sát, 01 bản sao chứng thực giấy phép hành nghề hoặc đăng ký hành nghề đo đạc và bản đồ; toàn bộ sản phẩm trên giấy, dạng số và hồ sơ liên quan.

d) Chi phí và lệ phí liên quan công tác thẩm định.

- Chi phí phục vụ thẩm định, kiểm tra chất lượng sản phẩm công trình đo đạc bản đồ, liên quan đến đo đạc bản đồ thực hiện theo Thông tư liên tịch số 04/2007/TTLT-BTNMT-BTC ngày 27/02/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi

trường - Bộ Tài chính về hướng dẫn lập dự toán kinh phí đo đạc bản đồ và quản lý đất đai.

- Chế độ thu, nộp và sử dụng lệ phí thẩm định đầu tư dự án đo đạc bản đồ, dự án có hạng mục đo đạc và bản đồ thực hiện theo Thông tư số 109/2000/TT-BTC ngày 13/11/2000 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp và sử dụng lệ phí thẩm định đầu tư.

3. Công tác phê duyệt dự án.

Cơ quan quyết định đầu tư căn cứ kết quả thẩm định và qui định hiện hành để phê duyệt dự án.

Điều 16. Chế độ báo cáo trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ.

1. Các tổ chức, cá nhân có đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện báo cáo định kỳ về cơ quan quản lý đo đạc bản đồ mỗi năm một lần (tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm) và chịu trách nhiệm về chất lượng báo cáo theo mẫu qui định tại Quyết định số 04/2007/QĐ-BTNMT ngày 27/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước có chức năng qui định tại Điều 4 chỉ đạo các đơn vị trực thuộc có hoạt động đo đạc và bản đồ báo cáo kết quả theo qui định tại khoản 1 (Điều này) và tổng hợp kết quả báo cáo về UBND tỉnh (qua cơ quan quản lý đo đạc bản đồ).

Chương III

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 17. Trách nhiệm quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ tuân thủ Điều 7, Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22/01/2002 của Chính phủ. Công tác kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện theo Thông tư số 02/2007/TT-BTNMT ngày 12/02/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Một số qui định bổ sung trong quản lý chất lượng công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ như sau:

1. Căn cứ pháp lý để quản lý chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

a) Tiêu chuẩn, quy phạm, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành và các văn bản chỉ đạo, văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

b) Dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hồ sơ xin thẩm định chất lượng công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ phải lập đầy đủ các hạng mục theo qui định của từng chuyên ngành. Riêng hồ sơ yêu cầu cơ quan quản lý đo đạc bản đồ thẩm định thì phải chuẩn bị đầy đủ các tài liệu sau:

- a) Tờ trình đề nghị thẩm định hoặc đề nghị kiểm tra nghiệm thu, hoặc văn bản giao nhiệm vụ của cấp trên;
- b) Dự án có hạng mục liên quan đến đo đạc và bản đồ và quyết định phê duyệt dự án;
- c) Hồ sơ kiểm tra nghiệm thu của đơn vị thi công;
- d) Hồ sơ kiểm tra của đơn vị giám sát, quản lý chất lượng công trình;
- e) Toàn bộ sản phẩm trên giấy, dạng số và hồ sơ liên quan.

Chương IV

MỘT SỐ QUI ĐỊNH VỀ ĐO ĐẠC ĐỊA CHÍNH; CẨM MỐC VÀ PHỤC HỒI MỐC RANH GIỚI KHU ĐẤT

Điều 18. Qui định về đo đạc, trích đo, chỉnh lý, hoàn thiện bản đồ địa chính.

1. Nhiệm vụ và điều kiện để tổ chức đo đạc địa chính.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư kinh phí và chỉ đạo việc lập, chỉnh lý hồ sơ địa chính. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc đo vẽ bản đồ địa chính.

b) Các tổ chức, cá nhân hành nghề đo đạc địa chính, khai thác dữ liệu bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh phải đóng thuế và các loại phí theo qui định hiện hành.

c) Chỉ đo vẽ bản đồ địa chính, trích đo địa chính tại những nơi chưa có bản đồ địa chính hoặc những nơi đã có bản đồ địa chính nhưng mức biến động hình thể trên 40%. Việc đo vẽ bản đồ địa chính phải gắn liền với công tác cấp giấy chứng quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính (trừ trường hợp đo vẽ bản đồ để phục vụ nghiên cứu hoặc giải phóng mặt bằng).

2. Các qui định về đo đạc, trích đo, chỉnh lý, hoàn thiện bản đồ địa chính.

a) Đo đạc bản đồ địa chính bắt buộc phải thực hiện bằng công nghệ số.

b) Bản đồ địa chính được thành lập qua hai giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Đo vẽ theo hiện trạng sử dụng đất (trên bản đồ có ghi chú là bản đồ gốc) và in ra 1 bộ để kiểm tra chất lượng. Bộ bản đồ gốc (dạng số và giấy) chỉ lưu trữ ở Văn phòng đăng ký QSD đất cấp tỉnh.

- Giai đoạn 2: Sau khi cấp giấy chứng nhận QSD đất, tiến hành chỉnh lý bản đồ phù hợp với hồ sơ địa chính liên quan và nhân bản phục vụ cho việc quản lý đất đai ở 3 cấp.

Việc đo vẽ bản đồ phải thống nhất về kế hoạch và đối soát với khu vực đã đo vẽ để tránh chồng chéo. Khi thành lập bản đồ có nhiều tỷ lệ, ngoài qui định

chung cho phép vẽ gộp lên 1 tỷ lệ để tiện sử dụng (phải ghi chú, giải thích nội dung vẽ gộp lên tờ bản đồ). Diện tích đo vẽ bản đồ lấy theo thực tế thi công (với điều kiện đo đúng đường bao khu vực đo vẽ đã thiết kế).

c) Qui định về trích đo địa chính tuân thủ qui phạm hiện hành. Bản vẽ trích đo địa chính thực hiện trong hệ tọa độ VN-2000 (trường hợp đặc biệt giao Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét quyết định). Bố cục bản trích đo như bố cục bản vẽ của bản đồ địa chính nhưng phía trên phải ghi rõ trích đo theo hiện trạng sử dụng đất.

Khi trích đo khu đất mà tổng diện tích khu vực trích đo nhỏ hơn diện tích 1 mảnh bản đồ trích đo (theo tỷ lệ) thì không phải lập dự án (trừ trường hợp đặc biệt như khu vực trích đo đất đai có giá trị kinh tế cao, dễ xảy ra tranh chấp, các thửa đất có hình thể phức tạp, khu đất kéo dài theo hình tuyến...). Nếu tổng diện tích trích đo lớn hơn diện tích 1 mảnh bản đồ trích đo thì phải lập dự án.

Trường hợp trích đo thửa độc lập, đồng loạt nhưng có tổng số thửa trên 200 hoặc tổng diện tích trên 25 ha, hoặc trích đo tại khu vực mà đất đai có giá trị kinh tế cao, phức tạp thì phải lập dự án. Tất cả các trường hợp trích đo trên đều phải tổ chức kiểm tra, thẩm định theo qui định hiện hành.

d) Qui định về chỉnh lý, đo chỉnh lý, hoàn thiện bản đồ địa chính.

Khi thửa đất có biến động thì phải tiến hành đo chỉnh lý bản đồ địa chính. Thửa đất trên bản đồ phải đảm bảo phù hợp với thực địa, hồ sơ địa chính liên quan và giấy chứng nhận QSD đất, khi đã chỉnh lý được trên 40% tổng số thửa đất trên tờ bản đồ thì phải biên tập lại toàn bộ tờ bản đồ địa chính. Các tài liệu chỉnh lý liên quan lưu trữ tại Văn phòng quản lý đất đai các cấp.

e) Qui định về trích lục thửa đất

Việc trích lục thửa đất chỉ thực hiện khi đã chỉnh lý thửa đất trên bản đồ phù hợp với hiện trạng sử dụng đất. Văn phòng Đăng ký QSD đất các cấp chịu trách nhiệm trích lục thửa đất theo qui định. Khi một tổ chức khác có đủ điều kiện hành nghề đo đạc và bản đồ theo qui định của pháp luật thực hiện công tác trích lục thì Văn phòng Đăng ký QSD đất chịu trách nhiệm kiểm tra và ký xác nhận vào bản trích lục.

Điều 19. Qui định về cắm mốc ranh giới khu đất, ranh giới tài sản trên đất, ranh giới các đường bao trên mặt đất, chuyển qui hoạch ra thực địa và phục hồi mốc ranh giới khu đất.

1. Cắm mốc ranh giới khu đất, ranh giới tài sản trên đất, ranh giới các đường bao trên mặt đất, chuyển qui hoạch ra thực địa.

Khi chuyển qui hoạch, thiết kế ra thực địa hoặc thực hiện công tác giao cấp đất, phân định ranh giới sử dụng đất, ranh giới tài sản trên đất (các loại rừng...), ranh giới các đường bao trên mặt đất (khu khai thác khoáng sản, khu

vực cấm...) phải cắm mốc khu đất theo phương pháp tọa độ. Trường hợp chưa xác định tọa độ thì chuyển qui hoạch ra thực địa theo sơ đồ và đo lại tọa độ mốc đã chuyển để xác định tọa độ các góc thửa, điểm, chiều dài cạnh thửa và diện tích khu đất, sau đó dùng phương pháp nội nghiệp ráp kiểm tra trên bản đồ số để tránh chông chéo. Đối với các thửa đất có giá trị kinh tế cao, hình thể thửa đất phức tạp, qui mô lớn, nằm ở vị trí nhạy cảm dễ tranh chấp hoặc ranh giới khó xác định rõ ràng theo địa hình tự nhiên thì phải cắm mốc và đo xác định tọa độ. Việc cắm mốc các khu đất có qui mô lớn, phức tạp phải có dự án được cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt mới được phép triển khai.

2. Phục hồi mốc ranh giới khu đất đã được đo đạc địa chính theo yêu cầu của cơ quan pháp luật (phục vụ giải quyết tranh chấp đất đai) được thực hiện dưới sự tổ chức của các cơ quan này (phải có giải pháp phục hồi mốc ranh giới được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định). Kết thúc việc phục hồi mốc ranh giới phải có biên bản bàn giao cụ thể vị trí từng mốc giữa cơ quan thực hiện và cơ quan yêu cầu. Tài liệu phục hồi được lưu vào hồ sơ địa chính.

Đơn vị chuyên môn phục hồi mốc ranh giới sử dụng đất thực hiện nhiệm vụ theo quy định có giám sát của cơ quan đề nghị phục hồi và kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 20. Quy định về chuẩn hóa dữ liệu trên bản đồ địa chính.

Bản đồ địa chính số sử dụng thống nhất 1 file mẫu có cơ sở toán học được thiết lập theo qui định cho địa bàn Hà Tĩnh. Các đối tượng trên bản đồ số phải được vẽ từ thư viện ký hiệu và đặt vào các lớp theo qui phạm. Các thông tin thuộc tính thửa đất phải được lưu vào các tệp theo chuẩn qui định của phần mềm đo vẽ bản đồ hiện hành. Dữ liệu số trong bản đồ địa chính được lập theo đúng chuẩn dữ liệu đất đai do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định và chỉ được lưu trữ và khai thác sử dụng ở cấp tỉnh, huyện.

Điều 21. Quy định về đồng bộ hoá dữ liệu đối với trường hợp đã hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu và đã được kết nối đồng bộ qua mạng.

Cơ sở dữ liệu địa chính đã được kết nối đồng bộ qua mạng giữa cấp tỉnh và cấp huyện thì được cập nhật thông tin biến động hàng ngày bằng phần mềm quản trị dữ liệu thông qua kết nối mạng giữa Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất các cấp. Trường hợp chưa có cơ sở dữ liệu trên mạng thì cập nhật theo tháng.

Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất các cấp có trách nhiệm tổ chức kiểm tra hàng ngày những thông tin đã được cập nhật, chỉnh lý vào cơ sở dữ liệu địa chính trong ngày.